TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2019
V/v : "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

- Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 30/5/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1978 . Có mặt

Địa chỉ: ấp Nguyễn H xã Vĩnh T, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn T - Sinh năm: 1974 . Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông T tự tìm hiểu và cưới nhau vào tháng 02/1996, cho đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc hơn 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc

nhau. Ông bà đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, ông T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng Đ – sinh ngày: 29/01/1998. Hiện con đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai - bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông T xác định lời trình bày của bà L về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Về hôn nhân giữa ông bà không có mâu thuẫn gì lớn nếu bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng Đ – sinh ngày: 29/01/1998. Hiện con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/5/2019, Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Bà L khởi kiện xin ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố 8, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn xa. Xét thấy, ông T đã có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung: Bà L và ông T bắt đầu chung sống nh vợ chồng từ năm 1996, cho đến nay ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình**.** Nay bà L có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà L, ông T có 01 đứa con chung tên Trần Hoàng Đ – sinh ngày: 29/01/1998. Hiện con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 7417 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T là vợ chồng.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà L phải nộp là 300.000 đồng nhưng đ-ược khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

thu tiền số 7417 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho bà L được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/6/2019. Ông T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Lâm